

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Ban Quản trị chung cư Bắc Hà Hoàng Hồ số 03/CV-BQT.BHHH ngày 09 tháng 8 năm 2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng đoàn kiểm tra cấp giấy phép môi trường đã kiểm tra ngày 04 tháng 7 năm 2022 tại dự án đầu tư xây dựng Nhà ở xã hội - Khu dân cư Bắc Hà Hoàng Hồ;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban Quản trị chung cư Bắc Hà Hoàng Hồ (sau đây viết tắt là Chủ dự án), địa chỉ tại khóm Tây Khánh 2, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà ở xã hội – Khu dân cư Bắc Hà Hoàng Hồ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Nhà ở xã hội – Khu dân cư Bắc Hà Hoàng Hồ.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khóm Tây Khánh 2, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.



1.3. Giấy giấy chứng nhận đầu tư: Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc chấp thuận đầu tư dự án Nhà ở xã hội – Khu dân cư Bắc Hà Hoàng Hồ, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên; Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên về việc công nhận Ban Quản trị chung cư Bắc Hà Hoàng Hồ, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

1.4. Loại hình dự án: Khu chung cư, nhà ở cao tầng.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Tổng diện tích đất của dự án là 8.248 m² tại Khóm Tây Khánh 2, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Quy mô, công suất của dự án: Dự án xây dựng chung cư cao 10 tầng, gồm 508 căn hộ trên tổng diện tích sử dụng đất là 8.248m².

+ Tổng diện tích sàn xây dựng: 29.468,53 m².

+ Tầng 1 (trệt): 3.002,29 m² (bố trí khu nhà ở kết hợp thương mại, khu để xe, khu quản lý, kỹ thuật tòa nhà,...).

+ Tầng 2 đến tầng 9: mỗi một tầng có diện tích 3.284,26 m² (bố trí căn hộ).

+ Tầng kỹ thuật mái: 192,16m² (bố trí khu kỹ thuật,...).

- Tổng mức đầu tư: 180.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tỷ đồng) (Dự án nhóm B theo quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này (Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 903/GP-STNMT ngày 19 tháng 08 năm 2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực).

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ cơ sở được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản trị chung cư Bắc Hà Hoàng Hồ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường), cơ quan chức năng ở địa phương (UBND thành phố Long Xuyên, UBND phường Mỹ Hòa) nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 19 tháng 8 năm 2022 đến ngày 19 tháng 8 năm 2032).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Long Xuyên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Ban Quản trị chung cư Bắc Hà Hoàng Hồ;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các Sở: Xây dựng, Khoa học và Công nghệ;
- UBND TP Long Xuyên;
- Trung tâm PVHCC tỉnh An Giang;
- Chi cục BVMT;
- Thanh tra Sở;
- Chi cục QLDD;
- Trung tâm CNTTNTMT (đăng Website);
- Phòng TNMT TP Long Xuyên;
- UBND phường Mỹ Hòa;
- Lưu: VT

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Việt Trí

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 42/GP-STNMT ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nguồn phát sinh: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân trong khu nhà ở xã hội.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý được xả ra nguồn tiếp nhận là cống thoát nước chung của thành phố Long Xuyên.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Cống thoát nước chung của thành phố Long Xuyên (trên đường gom A, cuối đường Nguyễn Hoàng gần chân cầu Tôn Đức Thắng) tại Khóm Tây Khánh 2, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí tại Cống thoát nước chung của thành phố Long Xuyên (trên đường gom A, cuối đường Nguyễn Hoàng gần chân cầu Tôn Đức Thắng) tại Khóm Tây Khánh 2, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 0573609$; $Y = 1148738$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Lưu lượng xả thải lớn nhất $242 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, $10,08 \text{ m}^3/\text{giờ}$ (tương ứng với chế độ xả nước thải liên tục $24 \text{ giờ}/\text{ngày đêm}$).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Hệ thống dẫn nước thải sau xử lý bằng đường ống PVC đường kính 150 mm, chiều dài 30 m.

- Phương thức xả tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước: Bơm chủ động (xả thải liên tục 24 giờ; 02 máy bơm, công suất 1,5Hp).

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Chu kỳ xả nước thải: Hằng ngày.

- Thời gian xả nước thải: 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, với hệ số $k=1$), cụ thể như sau:



TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5 - 9	03 tháng/lần	Không
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100		
3	BOD ₅	mg/L	50		
4	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4		
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	10		
6	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	50		
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/L	10		
8	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	10		
10	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	1.000		
11	Tổng Coliforms	MPN/100mL	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

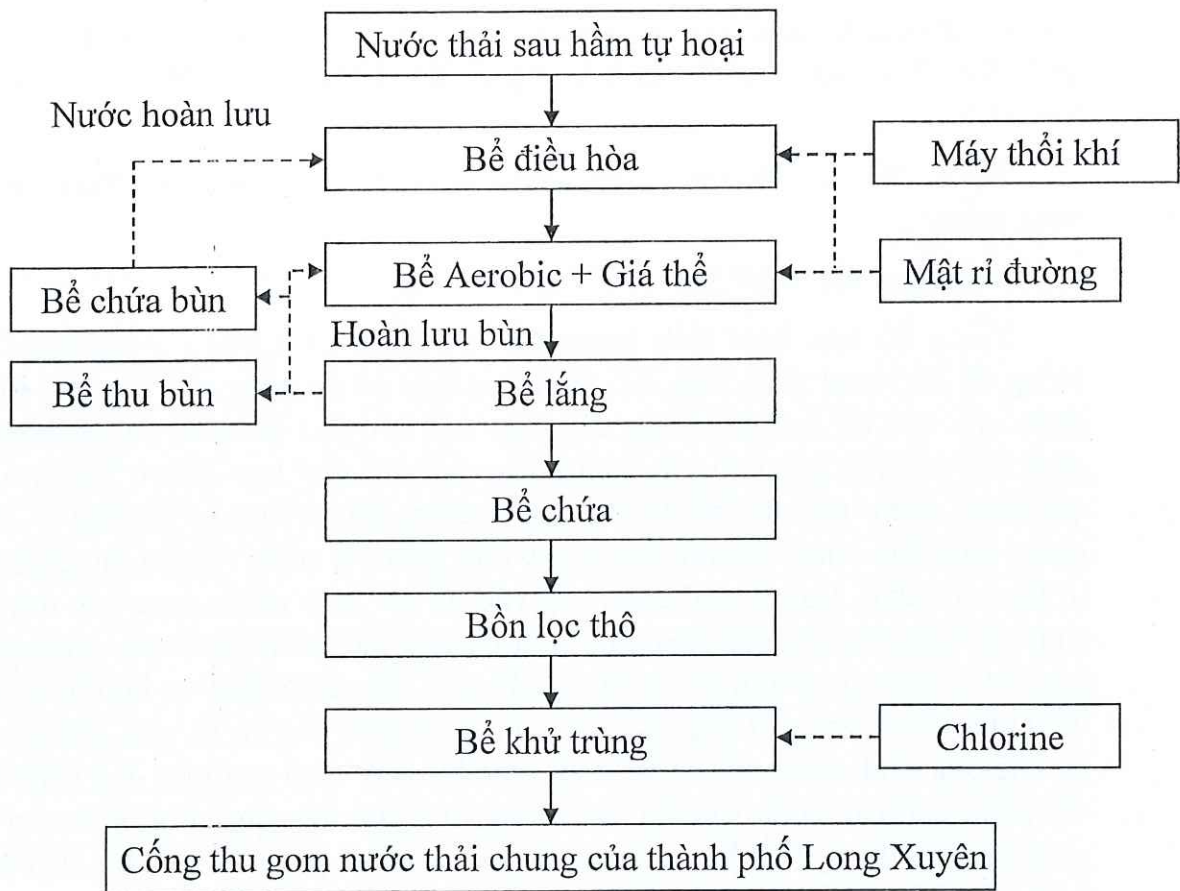
1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải chứa phân, nước tiểu tại các nhà vệ sinh được dẫn theo các ống thu gom D140mm, D110mm, đầu nối vào ống thu gom D110mm về bể tự hoại chung 03 ngăn của dự án (dự án bố trí 02 bể tự hoại, có thể tích 110m³/01 bể), nước thải sau bể tự hoại được dẫn về thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

- Nước thải từ các hoạt động tắm rửa, nấu ăn,.. được dẫn theo các ống đứng D90mm thoát nước xuống đầu nối vào ngăn thứ 2 của bể tự hoại (sử dụng ngăn thứ 2 làm bể tách dầu mỡ) và nước thải sau bể tự hoại được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án bằng tuyến ống PVC D110mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



* *Thuyết minh quy trình công nghệ tóm tắt:*

Nước thải sinh hoạt của tòa nhà và các loại nước thải khác được đưa trực tiếp vào bể tự hoại.

+ *Bể tự hoại:*

Nước thải từ hoạt động tắm rửa, nấu ăn... được thu gom về một tuyến ống chính và được dẫn vào ngăn lắng 2 của bể tự hoại. Tại đây sẽ xảy ra quá trình lắng và phân hủy kỵ khí.

Cặn rắn được giữ lại bề trong một thời gian nhất định. Chất hữu cơ bị phân hủy một phần. Trong đó một phần tạo thành các chất khí một phần tạo thành chất vô cơ hoà tan. Hàm lượng chất lơ lửng qua bể tự hoại giảm từ (50-70)%, hàm lượng BOD₅ giảm (20 – 45%).

+ *Bể điều hòa:*

Sau khi qua bể tự hoại, nước thải được đưa vào bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải. Mục đích của bể điều hòa là điều hòa lưu lượng và thành phần các chất trong nước thải để đảm bảo độ đồng đều nồng độ các chất và ổn định lưu lượng cho hệ thống.

Tại bể điều hoà, nhờ quá trình khuấy trộn bằng khí cấp liên tục từ máy thổi khí nước thải được điều hoà về lưu lượng và thành phần các chất ô nhiễm như: COD, BOD, SS, pH...

Đồng thời do được cấp oxy liên tục và vừa đủ đã thúc đẩy và tăng cường khả năng lên men hiếu khí ban đầu đồng thời khống chế quá trình lên men yếm khí. Do đó tránh được mùi hôi thối và giảm hàm lượng COD, BOD trong nước thải. Sau khi qua bể điều hoà lượng BOD, COD giảm đáng kể, khoảng từ 5 – 10%.

Nước thải từ bể điều hoà được bơm qua bể Aerobic bằng hệ thống bơm chìm.

+ *Bể aerobic + giá thể:*

Nồng độ bùn hoạt tính trong bể dao động từ 1.000 - 3.000mgMLSS/L. Nồng độ bùn hoạt tính càng cao, tải trọng hữu cơ áp dụng của bể càng lớn. Oxy được cấp vào bể Aerobic bằng các máy thổi khí (air blower) và hệ thống phân phối khí có hiệu quả cao với kích thước bọt khí nhỏ hơn 10 μ m lượng oxy hòa tan trong nước thải tại bể Aerobic luôn được duy trì trong khoảng 2 - 3mg/L nhằm đảm bảo cung cấp đủ lượng oxy cho sinh vật sống và tiêu thụ chất hữu cơ trong nước thải. Lượng khí cung cấp vào bể với mục đích: cung cấp oxy cho vi sinh vật hiếu khí chuyển hóa chất hữu cơ hòa tan thành nước và carbonic, nitơ hữu cơ và amonia thành nitrat NO₃⁻, xáo trộn đều nước thải và bùn hoạt tính tạo điều kiện để vi sinh vật tiếp xúc tốt với các cơ chất cần xử lý, giải phóng các khí ức chế quá trình sống của vi sinh vật, các khí này sinh ra trong quá trình vi sinh vật phân giải các chất ô nhiễm, tác động tích cực đến quá trình sinh sản của vi sinh vật. Tải trọng chất hữu cơ của bể trong giai đoạn xử lý aerobic dao động từ 0,32 - 0,64 kg BOD/m³/ngày đêm.

Quá trình xử lý sinh học kết hợp với giá thể MBBR là một bước tiến lớn trong kỹ thuật xử lý nước thải. Giá thể MBBR diện tích tiếp xúc lớn nhờ vậy sự trao đổi chất, nitrat hóa diễn ra nhanh nhờ vào mật độ vi sinh lớn tập trung trong diện tích bề mặt giá thể di động. Lượng khí cấp cho quá trình xử lý hiếu khí đủ để giá thể lưu động vì giá thể nhẹ, xấp xỉ khối lượng riêng của nước.

+ *Bể lắng:*

Nước thải từ bể Aerobic được đưa vào bể lắng, tại đây diễn ra quá trình phân tách giữa nước thải và bùn. Bùn hoạt tính sẽ lắng xuống đáy và một phần được bơm tuần hoàn về bể Aerobic, phần còn lại bơm về bể chứa bùn. Nước thải phía trên chảy tràn sang bể chứa.

+ *Bể chứa:*

Thu nước từ bể lắng, khi nước trong bể chứa đến một mức nhất định thì được bơm lên bể lọc thô.

+ *Bồn lọc thô:*

Nước sau khi qua bể lắng còn nhiều thành phần như: trứng nước, cặn lơ lửng. Vì vậy, nước cần phải qua thiết bị lọc thô để loại bỏ các chất lơ lửng này, làm cho nước trong và đạt chuẩn xả thải.

vt

Thiết bị lọc thô có đặt đồng hồ đo chất rắn lơ lửng dính bám trong vật liệu lọc lớn hơn hoặc bằng 2kg/cm^2 thì tiến hành rửa lọc (sử dụng tay để điều khiển các Val).

+ *Bể khử trùng:*

Sau các giai đoạn xử lý sẽ giảm nồng độ các chất ô nhiễm đạt tiêu chuẩn quy định thì số lượng vi trùng cũng giảm đáng kể đến 90 – 95%. Tuy nhiên, lượng vi trùng vẫn còn cao và theo nguyên tắc bảo vệ vi sinh nguồn nước cần thực hiện giai đoạn khử trùng nước thải.

Ở bể khử trùng với thời gian lưu 0,5h đủ để chlorine tiếp xúc với nước và khử trùng các vi khuẩn.

+ *Bể chứa bùn*

Hàng ngày lượng bùn dư từ bể lắng được đưa vào bể chứa và định kì 6 tháng/lần. Ban Quản trị chung cư Bắc Hà Hoàng Hồ hợp đồng với các Công ty có chức năng đến hút định kỳ.

- Công suất thiết kế: $242\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): Chlorine $0,51\text{ kg/ngày.đêm}$ ($183,6\text{ kg/năm}$) và mật rỉ đường $0,5\text{ kg/ngày.đêm}$ (180kg/năm) sử dụng để vận hành hệ thống xử lý nước thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố (*nước thải*):

Giải pháp ứng phó, khắc phục khi xảy ra sự cố:

- Báo cáo sự cố: Khi sự cố xảy ra sẽ báo ngay cho các cơ quan quản lý. Đồng thời, phối hợp với đơn vị chuyên tư vấn thiết kế hệ thống xử lý nước thải khắc phục sự cố một cách nhanh nhất để đưa hệ thống vận hành ổn định trở lại.

- Hoạt động xử lý: Duy trì hoạt động xử lý đến mức có thể.

- Kiểm tra: Rà soát các nguyên nhân xảy ra sự cố để có phương án xử lý nhanh nhất như: hệ thống điện, máy bơm, máy thổi khí,...

- Tích trữ nước: Nước thải được tích trữ trong bể điều hòa, bể chứa và tái xử lý khi hệ thống được khắc phục, không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

- Trường hợp thời gian khắc phục lâu dài: Liên hệ nhanh nhất với đơn vị thu gom, xử lý nước thải và nhờ sự trợ giúp để có phương án thu gom, xử lý hiệu quả, không để nước thải chảy tràn ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Đã vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:



Handwritten signature

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình xả nước thải sau xử lý vào cống thoát nước chung của thành phố Long Xuyên nếu có sự cố bất thường, chủ cơ sở phải báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hòa và tổ chức khắc phục sự cố theo quy định./.

Handwritten signature



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 842/GP-STNMT ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: Mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 2: khí thải từ máy phát điện.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải:

- Dòng thải số 1: Ống thải từ máy phát điện dự phòng. Tọa độ vị trí xả thải: Tọa độ X = 0573631; Y = 1148747 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰45, múi chiếu 3⁰). Phương thức xả khí thải: Xả trực tiếp ra môi trường.
- Dòng thải số 2: Ống thải từ thiết bị giảm thiểu mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ X = 0573628; Y = 1148746 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰45, múi chiếu 3⁰). Phương thức xả khí thải: Mùi hôi được hấp thụ bằng than hoạt tính trước khi xả trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: -

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

* Giảm thiểu ô nhiễm mùi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Luôn bảo trì, kiểm tra máy móc thiết bị một cách thường xuyên và liên tục.
- Tuân thủ đầy đủ quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải được trang bị kiến thức về quá trình xử lý nước thải, ứng phó những sự cố có thể xảy ra trong thời gian nhanh nhất.

- Trang bị bơm dự phòng (vừa dự phòng, vừa luân phiên xử lý).

- Mùi sinh ra từ các bể xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải, sẽ được thu gom thông qua hệ thống đường ống PVC Φ90, PVC Φ114 vào thiết bị khử mùi, tại đây khí thải sẽ được hấp thụ bằng than hoạt tính, khí thải từ thiết bị khử mùi thoát ra môi trường bằng quạt hút ly tâm.

* Giảm thiểu ô nhiễm khí thải từ máy phát điện:

Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng không hoạt động thường xuyên. Định kỳ hằng năm tiến hành bảo dưỡng, kiểm tra máy phát điện dự phòng và bố trí xây xanh trong dự án để giảm thiểu khí thải.

- 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: -.
- 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: -.
- 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: -.**
- 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: -.**



Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 842/GP-STNMT ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Nguồn ồn, độ rung từ máy phát điện.
- Nguồn số 2: Nguồn ồn, độ rung phát sinh từ quá trình vận hành máy móc, thiết bị hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1. Tọa độ vị trí xả thải: Tọa độ X = 0573631; Y = 1148747 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).
- Nguồn số 2: Tọa độ X = 0573628; Y = 1148746 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (ghi tên quy chuẩn áp dụng), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ-21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	Từ 6 giờ-21 giờ	Từ 21 giờ-6 giờ	-	Khu vực thông thường
	70	60		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, rung:

- * Đối với ồn từ máy phát điện:
 - + Che chắn xung quanh khu vực máy phát điện dự phòng nhằm giảm thiểu ồn ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân viên làm việc tại cơ sở.
 - + Kiểm tra và thay thế hoặc bổ sung một số đệm cao su, lò xo chống rung

cho nền máy phát điện dự phòng.

+ Thực hiện đặt máy phát điện dự phòng xa khu vực văn phòng, có tường bao che xung quanh, lắp đặt ống khói có đường kính 120 mm và chiều cao 2 m, sử dụng nhiên liệu DO hàm lượng lưu huỳnh trong quy chuẩn cho phép và chỉ được sử dụng máy phát điện dự phòng khi mạng lưới điện trong khu vực gặp sự cố.

* Đối với ồn từ quá trình vận hành máy móc, thiết bị hệ thống xử lý nước thải như: máy thổi khí và bơm được hạn chế bằng cách đặt âm dưới đất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: -.

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: -./.



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 842/GP-STNMT ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	16
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	8
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	12
4	Chai lọ đựng các chất tẩy rửa thải có thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	8

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh khoảng 150 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 300 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Cơ sở bố trí 02 thùng chứa có thể tích 240 lít, có nắp đậy kín, bên ngoài có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa trong nhà: 02 m² (đặt trong nhà xe của chung cư)
- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa trong nhà: Xung quanh có rào chắn, nền bê tông chống thấm, bên ngoài có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại. Đồng thời trang bị 02 bình PCCC loại 6kg để kịp thời ứng phó sự cố.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 08 thùng chứa rác có dung tích 240 lít, có nắp đậy cho toàn bộ cơ sở.

2.3.2. Điểm tập kết rác sinh hoạt:

Cơ sở bố trí 08 thùng chứa rác loại 240 lít đủ khả năng lưu chứa lượng rác thải phát sinh tại cơ sở, thùng chứa được đặt tại vị trí tập kết bên hông nhà xe. Vị trí thuận tiện công tác thu gom chất thải rắn của Đơn vị chức năng gom chất thải rắn sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG: -/.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 842/GP-STNMT ngày 19 tháng 8 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG: -.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: -.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG): -.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án;

- Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Nhà ở xã hội – Khu dân cư Bắc Hà Hoàng Hồ (đính kèm theo)./.